Chi tiết mã HS 3104.30.00

Mã HS	3104.30.00
Mô tả hàng hóa	Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa kali / - Kali sulphat
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 06:43:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/31043000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4756
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4756
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4756
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ4756
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4648
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4609
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4609
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4609
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4609
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4609
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4609
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4647
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4647
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4647
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4647
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4647
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4651
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4651
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4651
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4651
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4651
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4651
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4651
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4615
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4611
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4611
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4611
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4611
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4611
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4611
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4611
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4611
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4611
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4611
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4611
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4611
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4658
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4658

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4658
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4658
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4658
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4658
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4655
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4655
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4655
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4655
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4655
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4655
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4663
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4663
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4663
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4663
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4663
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4663
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4634
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4634
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4634
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4634
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4634
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4634
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4636
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4636
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4636
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4636
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4636
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4634
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4634
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4634
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4634
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4634
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4634
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4634
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4655
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4655
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4655
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4655
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4655
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4655
RCEP B	2022	2022	0	B!D4655
RCEP B	2023	2023	0	B!E4655
RCEP B	2024	2024	0	B!F4655
RCEP B	2025	2025	0	B!G4655
RCEP B	2026	2026	0	B!H4655
RCEP B	2027	2027	0	B!I4655
RCEP C	2022	2022	0	C!D4655
RCEP C	2023	2023	0	C!E4655
RCEP C	2024	2024	0	C!F4655
RCEP C	2025	2025	0	C!G4655
RCEP C	2026	2026	0	C!H4655

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4655
RCEP D	2022	2022	0	D!D4655
RCEP D	2023	2023	0	D!E4655
RCEP D	2024	2024	0	D!F4655
RCEP D	2025	2025	0	D!G4655
RCEP D	2026	2026	0	D!H4655
RCEP D	2027	2027	0	D!I4655
RCEP E	2022	2022	0	E!D4658
RCEP E	2023	2023	0	E!E4658
RCEP E	2024	2024	0	E!F4658
RCEP E	2025	2025	0	E!G4658
RCEP E	2026	2026	0	E!H4658
RCEP E	2027	2027	0	E!I4658
RCEP F	2022	2022	0	F!D4655
RCEP F	2023	2023	0	F!E4655
RCEP F	2024	2024	0	F!F4655
RCEP F	2025	2025	0	F!G4655
RCEP F	2026	2026	0	F!H4655
RCEP F	2027	2027	0	F!I4655
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4292
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4292
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4292
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4292

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3104.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3104.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4756), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.